

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & TRANG TRÍ NỘI THẤT TÂM TÍN PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & TRANG TRÍ NỘI THẤT TÂM TÍN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAM TIN PHAT CONSTRUCTION & INTERIOR DECORATION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703177888

**3. Ngày thành lập:** 19/12/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 44, Đường Khánh Bình 05, Khu phố Khánh Vân, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0888079739

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                           | 4322        |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                              | 4649        |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, Bán buôn xi măng, Bán buôn kính xây dựng, Bán buôn sơn, vécni, Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, Bán buôn đồ ngũ kim, Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn | 4663        |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                               | 4669        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                         | 8299        |
| 6.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                        | 7020        |
| 7.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Quản lý dự án các công trình xây dựng, quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng                                                                                                   | 7110        |
| 8.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                  | 7410        |
| 9.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                         | 7490        |
| 10. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                  | 4933        |
| 11. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                     | 5210        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                         | 5225        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                                             | 5229        |
| 14. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                               | 8129        |
| 15. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                               | 4101(Chính) |
| 16. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                         | 4102        |
| 17. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                   | 4211        |
| 18. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                    | 4212        |
| 19. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                        | 4221        |
| 20. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                             | 4222        |
| 21. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                        | 4291        |
| 22. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                 | 4292        |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                            | 4752        |
| 24. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                         | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRƯƠNG QUANG DŨNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 03/03/1992 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 051092000318

Ngày cấp: 21/02/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Đội 11, Lệ Thủy, Xã Tịnh Châu, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Đội 11, Lệ Thủy, Xã Tịnh Châu, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRƯƠNG QUANG DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Sinh ngày: 03/03/1992 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 051092000318

Ngày cấp: 21/02/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Đội 11, Lệ Thủy, Xã Tịnh Châu, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Đội 11, Lệ Thủy, Xã Tịnh Châu, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương